

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+PVD8	7:25	13+6	0+0		7+15	0+0	chuyen 1 Td1-PVD8
2		RP1+ClO	7:25	0+19	0+0		0+22	0+0	chuyen 3 Rp1-ClO
3		P2+P11	7:25	11+11	0+0		4+18	0+0	
4		KTRN+PVD8	7:25	1+13	0+0		1+18	0+0	
5		P11+BK10+AMD	9:25	13+8+0	0+0+0		9+6+7	0+0+0	chuyen 1 p11-bk10
6		P9+PPD	9:25	18+2	0+0		18+4	0+0	
7		BK14+MRM+P10	9:25	0+6+11	0+0+0		0+5+17	0+0+0	chuyen 5 bk14-Mrm
8		BK4+P2	11:25	9+9	0+0		8+14	0+0	chuyen 1 bk4-P2
9		ClO+TD1	11:25	11+3	0+0		8+13	0+0	
10		P9+BK3	11:25	10+8	0+0		10+12	0+0	
11		TT3+TT1+P2	13:25	4+5+5	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
12		P10+TD3	13:25	16+4	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày ClO-Ing, Td1-Ing, P2-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD1 - PVD8	CREW: HUNG - N.CUONG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4286	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZHARIKOV V. A.	TD1	29	1	15			71	KHOAN	Russian
2	PHAN VIET HUNG	TD1	21	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM CONG TIEN	TD1	31	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ĐANG KHOA	TD1	27	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	MAI XUAN TUNG	TD1	26	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN DUY	TD1	32	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN PHU	TD1	33	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
8	LE MANH HUNG	TD1						71	ANTOAN	Vietnamese
9	VU MANH HAI	TD1	28	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	TD1	30	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN MINH	TD1	22	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN QUANG SANG	TD1	23	1	5			52	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC KHANH	TD1	24-25	2	11			63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH QUOC BAO	PVD8	57	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
15	MAKSIMOV DMITIR	PVD8	56	1	13			126	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN HOANG HA	PVD8	53	1	5	3	25	72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIEN	PVD8	54	1	12			99	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG CONG THINH	PVD8	55	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH BAC	PVD8	52	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	13	905	13	74	0	0	7		
2	PVD8	6	495	6	47	3	25	15		
TOTAL		19	1.400	19	121	3	25	22		
WEIGHT KG			1.400		121		25			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.
[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.
[Signature]
VŨ THỊ ÁNH

CREW
[Signature]
LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP1 - CLO	CREW: VTHANG - TTRUNG - QTRUONG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4290	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	54	1	4	6	100	75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN CÔNG PHU	CLO	55	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THANH	CLO	63	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	51	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THAI	CLO						76	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HAI	CLO	53	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	86	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUỐC GIA	CLO	58	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
9	KRAMARENKO V.V	CLO						69	KH-THAC	Russian
10	TRẦN KIM HUNG	CLO	52	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	50	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIỀN VINH	CLO	57	1	14			82	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TUẤN ANH	CLO				6	75	77	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG PHU	CLO	56	1	9			78	CODIEN	Vietnamese
15	PHAN VINH TRƯỜNG	CLO	60	1	13			71	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN VỊNH	CLO	59	1	15			88	DVL	Vietnamese
17	VŨ CÔNG VIÊN	CLO	84-85	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGỰ	CLO	64	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGÔ QUANG PHÚC	CLO	61-62	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 3 PAX RP1-CLO	
2	CLO	19	1.432	18	141	12	175	22		
TOTAL		19	1.432	18	141	12	175	22		
WEIGHT KG			1.432		141		175			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P2 - P11	CREW: DUONG - SON - THU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4294	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN THINH	P2						67	D-HANH	Vietnamese
2	VU XUAN GIAO	P2						70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DUC TU ANH	P2						72	D-HANH	Vietnamese
4	VU MINH THIEN	P2						68	D-HANH	Vietnamese
5	TRAN BA THUAN	P2						66	D-HANH	Vietnamese
6	ĐANG QUOC VIEN	P2	75	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN THO	P2	01-02	2	10	2	40	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	76	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUC MINH	P2	77-78	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH QUAN	P2	04	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM QUANG NAM	P2	03	1	8	2	47	74	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUAN	P11	500	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH CHANH PHAT	P11	99	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TAN	P11	94	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DAC LIEM	P11	87	1	12	2	40	89	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG THANH	P11	86	1	9			70	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC ANH	P11	89-90	2	8			78	YTE	Vietnamese
18	TRAN XUAN HINH	P11	92-93	2	15			88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG BANG	P11	97-98	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAO THIEN THUAT	P11	95-96	2	11			60	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG CONG PHUNG	P11	91	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH THIEN TUNG	P11	88	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	11	761	8	44	4	87	4		
2	P11	11	802	15	110	2	40	18		
TOTAL		22	1.563	23	154	6	127	22		
WEIGHT KG			1.563		154		127			

GRAND TOTAL: 1.844 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

BUI HOANG DUONG
PHAM THAI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:50
B.CARD: TRẮNG-1	TO:KTRN - PVD8	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4297	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG VĂN THÀNH	KTRN	35-36	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THANH LONG	PVD8	41	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRỌNG HIỆU	PVD8	40	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG HIỆU	PVD8	42-43	2	15			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH DUY	PVD8	34	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH QUÂN	PVD8	44-45	2	8			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	100	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PVD8						77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THÁI SƠN	PVD8	38-39	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MẠNH HÙNG	PVD8	37	1	5			86	GETRACO	Vietnamese
11	ĐÌNH ANH DUNG	PVD8	35	1	9			73	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG BẢO	PVD8	33	1	6			57	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN KHANH DUY	PVD8	46	1	3			83	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HỌC	PVD8	36	1	5			61	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KTRN	1	72	2	10	0	0	1		
2	PVD8	13	959	15	83	0	0	18		
TOTAL		14	1.031	17	93	0	0	19		
WEIGHT KG			1.031		93		0			

GRAND TOAL: 1.124 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P11 - BK10 - AMD	CREW: HUNG - N.CUONG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4287	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN CONG HUY	P11	25-26	2	6			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEM	P11	21	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HIEN	P11	13	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HUY	P11	16	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TIEN TOAN	P11	22	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG HUNG	P11	24	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VAN KIEU CANH	P11	19	1	5			72	PSV	Vietnamese
8	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	P11	20	1	7			61	PSV	Vietnamese
9	PHAN LÊ MINH TOAN	P11	18	1	8			82	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN DINH CUONG	P11	23	1	4			78	PSV	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DŨ	P11	17	1	9			67	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THU TRANG	P11	14	1	10			75	PSV	Vietnamese
13	HA VAN THUAN	P11	15	1	6			58	PSV	Vietnamese
14	NGO VAN NGHI	BK10	35-36	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	31-32	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HAI	BK10	33	1	10			108	KH-THAC	Vietnamese
17	NGHIEM XUAN ANH	BK10	30	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	34	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TOAN	BK10	28-29	2	16			68	T-TIN	Vietnamese
20	MAI CAO ĐỊNH	BK10	37	1	6			66	PSV	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG ĐIỀN	BK10	24	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	13	917	14	104	0	0	9	1	CHUYEN 1 PAX P11-BK10
2	BK10	8	569	11	77	0	0	6		
3	AMD	0	0	0	0	1	14	7		
TOTAL		21	1.486	25	181	1	14	22		
WEIGHT KG			1.486		181		14			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P9 - PPD	CREW: VTHẮNG - TTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4291	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN THỰC	P9	67	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	81	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN TIẾN	P9	62	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VIỆT	P9	69	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BÀ NẾP	P9	30	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NAM GIANG	P9	72	1	4	1	3	76	KH-THAC	Vietnamese
7	LE LĂNG TŨ	P9	80	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	65	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	60	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P9	20	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC HIỆN	P9	66	1	9			56	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN BA KỶ	P9						75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG LUẬN	P9	28	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	HŨA SẦY	P9	61	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	68	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HIỆN	P9	31	1	8			52	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	72	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
18	MÃ ANH TIT	P9	29	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	93	1	6	2	25	69	KHI	Vietnamese
20	VŨ VĂN ĐÔNG	PPD	92	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	18	1.215	17	104	1	3	18		
2	PPD	2	132	2	10	2	25	4		
TOTAL		20	1.347	19	114	3	28	22		
WEIGHT KG			1.347		114		28			

GRAND TOAL: 1.489 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK14 - MRM - P10	CREW: DƯƠNG - SON - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4295	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN THỤY	BK14	30	1	18	2	15	68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	BK14	31	1	17	4	57	92	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC TUẤN	MRM	01-02	2	13			64	PVD- BAKE	Vietnamese
4	LÊ VĂN BIÊN	MRM	03-04	2	10			64	PVD- BAKE	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	MRM	08	1	12			65	PVD- BAKE	Vietnamese
6	NGUYỄN CỬU VINH	MRM	06-07	2	16			53	PVD- BAKE	Vietnamese
7	NGÔ MINH CHÁNH	MRM	09-10	2	12			58	PVD- BAKE	Vietnamese
8	BUI XUÂN THIÊM	MRM	05	1	12			74	PVD- BAKE	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	P10	38-39	2	21			97	KH-THAC	Vietnamese
10	IAKIMIDI RUSLAN	P10	42	1	7			109	KH-THAC	Russian
11	TRẦN VĂN THẮNG	P10	37	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	44	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	45	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	40	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	LUƠNG CÔNG ĐẠT	P10	47,49	2	13			65	YTE	Vietnamese
16	BUI SỸ LONG	P10	46	1	7			80	KHAITHAC	Vietnamese
17	LÊ TRI HAO	P10						65	KHAITHAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH HẢI	P10	43	1	15			76	KHAITHAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	41	1	9			66	KHAITHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	2	160	2	35	6	72	0 + 5	CHUYEN 5 PAX BK14-MRM	
2	MRM	6	378	10	75	0	0	5		
3	P10	11	840	12	96	0	0	17		
TOTAL		19	1.378	24	206	6	72	22		
WEIGHT KG			1.378		206		72			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: BK4 - P2	CREW: TUYỀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4288	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU VAN DIEP	BK4	01	1	15			75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VO MANH CUONG	BK4	11	1	13	2	30	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG DAN	BK4	15-16	2	14			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO LAI THICH	BK4	12-14	3	20			87	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VIET DEC	BK4	04-05	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN TUYEN	BK4	06-07	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐANG TO HIEU	BK4	02-03	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG MANH HA	BK4	08-09	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
9	HO VAN DEC	BK4	10	1	20			69	PSV	Vietnamese
10	ĐINH MAU TRUNG KIEN	P2	61	1	16			73	KH-THAC	Vietnamese
11	TO NGUYEN MINH KHOI	P2	58	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO HUY HUNG	P2	60	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	P2	63-64	2	18			69	PVGAS	Vietnamese
14	HAMSIR BIN ASHARI	P2	65-66	2	17			58	PVGAS	Malaysian
15	NGUYEN HONG QUANG	P2	67-68	2	14			67	PVGAS	Vietnamese
16	PHAM THANH NAM	P2	62	1	9			58	PVGAS	Vietnamese
17	TRAN VIET BINH	P2	56	1	4			58	PSV	Vietnamese
18	PHAM HONG VAN	P2	59	1	5			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	9	654	16	162	2	30	8	1	CHUYEN 1 PAX BK4-P2
2	P2	9	599	12	99	0	0	14		
TOTAL		18	1.253	28	261	2	30	22		
WEIGHT KG			1.253		261		30			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGUYEN DUY TUYEN
NGUYEN DEC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: CLO - TD1	CREW: VIỆT - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4292	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN TÂN	CLO	12	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ VĂN TÂN	CLO	05-06	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ BA QUYÊN	CLO	10-11	2	16			54	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ QUỐC HUY	CLO	14-15	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH HẠNH	CLO	20,83	2	19			81	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN HÙNG	CLO	07-09	3	16			65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ THÈ ANH	CLO	13	1	5			67	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HUU	CLO	04	1	7			65	PSV	Vietnamese
9	LŨU BA XÔ**	CLO	02-03	2	14			77	DVL	Vietnamese
10	LÊ VĂN THĂNG**	CLO	01	1	13			74	DVL	Vietnamese
11	DUƠNG BA VINH**	CLO	19	1	13			95	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN SỸ TUẤN	TD1	36	1	18			70	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD1	35	1	5			71	PSV	Vietnamese
14	LÊ MINH MINH	TD1	34	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				
1	CLO	11	785	18	153	0	0	8	
2	TD1	3	209	3	29	0	0	13	
TOTAL		14	994	21	182	0	0	21	
WEIGHT KG			994		182		0		

GRAND TOAL: 1.176 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:20
B.CARD: NAU-3	TO: P9 - BK3	CREW: LINH - NPHÚ - THÀNH	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4296	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH THE NHAN	P9	12-13,15	3	13			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	P9	18	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH HUY KHIEM	P9	25	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TRONG DUC	P9	16	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUNG	P9	10-11	2	17			88	PVGAS	Vietnamese
6	AHNAD YUSUF BIN JAMALI	P9	16-17	2	18			80	PVGAS	Malaysian
7	NGUYEN ANH TUAN	P9	19,89	2	10			73	PVGAS	Vietnamese
8	NGUYEN DINH QUOC NHAT	P9	14	1	6			70	PVGAS	Vietnamese
9	PHAM CONG TUAN	P9	21	1	4			56	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TUAN	P9	17	1	7			72	PSV	Vietnamese
11	VU VAN NAM	BK3	27	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CONG VINH	BK3	94	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG CONG DU	BK3	26	1	11	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HOANG NAM	BK3	91-92	2	7	1	25	74	PVGAS	Vietnamese
15	LE CONG CHINH	BK3	86	1	12			74	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NGOC HOAI	BK3	87	1	9	1	15	62	XAYLAP	Vietnamese
17	HO DINH LOC	BK3	90	1	5			78	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	BK3	89	1	6			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	10	719	15	89	0	0	10		
2	BK3	8	555	9	61	4	80	12		
TOTAL		18	1.274	24	150	4	80	22		
WEIGHT KG			1.274		150		80			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: TRANG-4	TO:TTC3 - TTC1 - P2	CREW: TUYỀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4289	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ ĐOÀN HÙNG	TTC3	01	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LÊ	TTC3	200	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	TTC3	99	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG SƠN	TTC3	02	1	12			74	CODIEN	Vietnamese
5	PHAN ĐĂNG TUẤN	TTC1	07	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG XUÂN QUANG	TTC1	06	1	14			56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN BÀ THANH	TTC1	01	1	7	1	16	72	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VĂN CUÔNG	TTC1	03	1	8	1	14	72	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HÙNG	TTC1	05	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	71	1	4			51	PSV	Vietnamese
11	BUI THANH TÙNG	P2	69	1	6			64	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	P2	02	1	7			63	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC SAN	P2	70	1	10			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	4	292	4	37	0	0	1		
2	TTC1	5	344	5	49	2	30	4		
3	P2	4	254	4	27	0	0	17		
TOTAL		13	890	13	113	2	30	22		
WEIGHT KG			890		113		30			

GRAND TOAL: 1.033 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TIM-4	TO: P10 - TD3	CREW: VIỆT - N.ANH - MQUÂN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/4293	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG SY NGUYEN	P10	80-81	2	17			80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN BAO TOAN	P10	66	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TIEN PHUONG	P10	67	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THANH DUNG	P10	75	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH LIEM	P10	76	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LY TRUNG HIEU	P10	70	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC PHI	P10	77-78	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
8	VU PHUONG HUONG	P10	72	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	DO LETH DAO	P10	73	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	P10	71	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC NAM	P10	79	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUAN	P10	68	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH CONG VAN	P10	69	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THANH DANH	P10	65	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MINH TUAN	P10	74	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGHIEM ANH VU	P10	63-64	2	6			67	PSV	Vietnamese
17	PHAM THANH NHA	TD3	03-04	2	12			79	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG DUC	TD3	01	1	5			61	PSV	Vietnamese
19	PHAM PHU BINH	TD3	02	1	4			67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUAN	TD3	05	1	6			81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	16	1.171	19	115	0	0	14		
2	TD3	4	288	5	27	0	0	8		
TOTAL		20	1.459	24	142	0	0	22		
WEIGHT KG			1.459		142		0			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

NGUYEN QUANG VIET

NGHIEM VIET ANH